TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-01-2023
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Triều

2. Bà Phạm Thị Hồng Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số 26 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 629/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6516/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Mai Bình D**, sinh năm 1981

Địa chỉ: số 812/52 đường X, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: số 23/37 đường số 27, phường H, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà **Đỗ Thị Linh V**, sinh năm 1985

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ: số 07 Wyola Place, Kaleen, ACT 2617, Australia.

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại Bản tự khai, nguyên đơn – ông Mai Bình D trình bày:

Năm 2012, ông Mai Bình D và bà Đỗ Thị Linh V tự nguyện kết hôn và đăng

ký theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2012, Quyển số 01/2012 ngày 10/4/2012 của Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, quận D (nay là thành phố D), Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau rất đầm ấm, hạnh phúc, sau đó không lâu thì bà V sang Úc sinh sống và làm việc; thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng dần dần cả hai không có sự chia sẻ, cảm thông dẫn đến xảy ra mâu thuẫn. Bên cạnh đó, do khoảng cách địa lý quá xa nên Ông D và bà V không có thời gian quan tâm, chăm sóc cho nhau làm cho tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Ông D cho rằng không thể tiếp tục đời sống vợ chồng với bà V nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Ông D và bà V có 02 con chung tên Mai Kim N, giới tính Nữ, sinh ngày 19/01/2013 và Mai Thiên N, giới tính Nữ, sinh ngày 06/01/2018. Ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Mai Thiên N, giao cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Mai Kim N, ông và bà V không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai được Đại sứ quán nước Cộng hòa XHCN Việt Nam tại Australia chứng thực lãnh sự, bị đơn – bà Đỗ Thị Linh V trình bày:*

Bà Đỗ Thị Linh V và ông Mai Bình D tự nguyện kết hôn và đăng ký theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2012, Quyển số 01/2012 ngày 10/4/2012 của Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, quận D (nay là thành phố D), Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Năm 2020, bà V sang Úc sinh sống và học tập, thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do không có sự chia sẻ, cảm thông lẫn nhau; hiện nay bà V đang sinh sống và có việc làm ổn định ở bên Úc còn Ông D ở Việt Nam nên vợ chồng không có thời gian quan tâm, chăm sóc cho nhau làm cho tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Ông D.

Về con chung: Bà V và Ông D có 02 con chung tên Mai Kim N, giới tính Nữ, sinh ngày 19/01/2013 và Mai Thiên N, giới tính Nữ, sinh ngày 06/01/2018 như Ông D đã trình bày. Bà V đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Mai Kim N, giao trẻ Mai Thiên N cho Ông D trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Mai Bình D và bà Đỗ Thị Linh V là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn có nơi cư trú tại Australia nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, sau khi cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, nguyên đơn – ông Mai Bình D và bị đơn – bà Đỗ Thị Linh V đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2012, Quyển số 01/2012 ngày 10/4/2012 của Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, quận D (nay là thành phố D), Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Mai Bình D và bà Đỗ Thị Linh V là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn - ông Mai Bình D và bị đơn - bà Đỗ Thị Linh V thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2020 bà V sang Úc sinh sống, học tập và sau đó thì ở lại làm việc, vợ chồng mỗi người ở một nơi nên không có sự chia sẻ, cảm thông, khi xảy ra mâu thuẫn thì không tìm được tiếng nói chung và cứ thế kéo dài làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bên cạnh đó, hiện cả hai đang sinh sống và làm việc ở hai đất nước khác nhau nên khó có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả Ông D và bà V đều đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung giữa Ông D và bà V không thể kéo dài, việc ly hôn là cần thiết, là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông D và bà V có 02 con chung tên Mai Kim N, giới tính Nữ, sinh ngày 19/01/2013 và Mai Thiên N, giới tính Nữ, sinh ngày 06/01/2018.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ông D và bà V: Giao trẻ Mai Kim N cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Mai Thiên N cho Ông D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con do Ông D và bà V chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông D và bà V đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn – ông Mai Bình D phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – ông Mai Bình D.

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Mai Bình D được ly hôn với bà Đỗ Thị Linh V.

- Về con chung: Giao trẻ Mai Thiên N, giới tính Nữ, sinh ngày 06/01/2018 cho Ông D trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Mai Kim N, giới tính Nữ, sinh ngày 19/01/2013 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con do Ông D và bà V chưa có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của Cha, Mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Mai Bình D phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2021/0003610 ngày 02/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Mai Bình D không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Mai Bình D được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Đỗ Thị Linh V được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THA dân sự Tp.HCM;
- UBND phường T, thành phố D, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan